TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HN-ST
Ngày: 26-5-2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

2. Bà Ngô Thị Thưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 411/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1998; Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Trần Hiếu N, sinh năm 1994; Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 07/01/2020 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Trần Hiếu N tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/10/2018. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng; từ đó chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hiểu Đ, sinh ngày 05/10/2018, hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn anh Trần Hiếu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng anh N không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 09 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng

không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Trần Hiểu Đ, sinh ngày 05/10/2018, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T là chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con chung, bản thân chị T cũng có việc làm và thu nhập đủ để đảm bảo cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho cháu Đ. Vì vậy, việc giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều Điều 28, 147, 207, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T đối với anh Trần Hiếu N. Cụ thể tuyên:

Chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Hiếu N.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hiểu Đ, sinh ngày 05/10/2018. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hiếu N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh N, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006954 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Hậu